

## HÁT BỘỊ

NGUYỄN SANG



Hát Bộị hay Hát Bộ, là những từ được sử dụng để chỉ bộ môn nghệ thuật cổ điển, còn gọi là hát tuồng. Gọi là Hát Bộị, vì bộị có nghĩa là đeo. Diễn viên trên sân khấu phải mang hia đội mũ hoặc đeo một món trang sức gì trong người. Gọi là Hát bộ, vì diễn viên phải múa bộ thay cho các động tác đời thường, như múa lên ngựa, múa uống rượu...

Hát bộ ở VN bắt nguồn đời Trần. Bắt được một tù binh Tàu, tên Lý Nguyên Cát, tên này biết hát bộ, vua tha tội và giữ lại để dạy hát bộ. Vua lập cả Học Bộ Đình để truyền dạy nghề hát này. Bộ môn này chỉ được dành cho cung đình thượng lâm. Lâu dần mới truyền đến nhân dân.

Hát Bộ nguyên thủy của VN là hát bộ Bình Định, miền Trung. Tới miền Nam, Hát bộ được pha trộn với nghệ thuật chính công của Tàu do nhóm nghệ nhân trốn sự hà khắc của vua quan nhà Minh bên Tàu, chạy sang nước ta để lập nghiệp.

Đặc tính của hát bộ là Ước Lệ và Tượng Trưng. Ước là qui ước, lệ là luật lệ. Nghĩa là phải tuân thủ một số nguyên tắc luật lệ cho sự tượng trưng, đã được ấn định. Như mặt đỏ tượng trưng bậc trung quân, nhưng nóng tánh. Mặt vàng là kẻ ác. Mặt trắng là nho sinh... Râu dài, đen là người tốt, râu xoắn, nâu là người hung... Điệu bộ cũng tượng trưng theo một qui ước Ví dụ múa phát trần đi vòng quanh là đang phóng ngựa.

Trang trí trên sân khấu cũng tượng trưng, cái bàn có thể là ngôi vua, có thể là ngọn núi, tùy tình huống trong tuồng. Đám chém, đánh nhau cũng tượng trưng, không trúng người, không chảy máu khi bị thương tích... Vẫn còn hát trước khi chết... Động tác trong hát bộ là điệu bộ, được gọi là múa bộ hay múa cách điệu. Diễn xuất nét mặt cũng ước lệ và phải diễn quá lên cho khán giả thấy. Như tức giận, ngoài việc hát râu, đá giáp còn phải phùng mang trợn mắt...

Lời ca của hát bộ, ngày xưa các tác giả thường dùng từ Hán việt để viết tuồng, nên ngày nay, những người không thông hiểu chữ nho, ít khi lãnh hội được. Khi hát những lời hát, thường phải đi đôi với điệu bộ, nên câu văn bị kéo dài và sử dụng nhiều chữ đệm ư, ử, ự...Nhạc thì âm hưởng nhạc Tàu. Tuồng tích thường diễn lại các tích của

*Trung Hoa. Nên khán giả thường thường đã biết cốt truyện, họ đến để thưởng ngoạn tài nghệ diễn viên.*

*Hát bộ là một loại hình Ca Kịch Cổ Điển, mang âm hưởng Trung Hoa. Người thưởng ngoạn bộ môn nghệ thuật này, cần am tường những nguyên tắc ước lệ, phải chấp nhận những cái giả là thật, mới hiểu được cái hay của hát bộ.*

### **CÁI LƯƠNG HỒ QUẢNG:**

*Là bộ môn pha trộn: Điệu bộ và y trang, hoá trang kiểu hát bội, cộng với lời thoại và ca từ cái lương và nhạc Hồ Quảng.*

### **HÁT CHÈO**

*CHÈO có thể xuất xứ từ chữ TRÀO, nói trại ra. Trào trong chữ trào phúng, là vui cười nhưng có pha chút châm chọc. Đây là bộ môn ca kịch cổ đặc thù miền Bắc. Còn gọi là Chèo Cổ Bắc phần.*

*Nếu Hát Bộ là môn nghệ thuật trình diễn nơi cung đình cho vua quan thưởng ngoạn, thì chèo có nguồn gốc phát triển từ dân gian. Dưới sự áp bức bóc lột của các quan địa phương, người dân chống lại trong tiêu cực, bằng thể hiện những chi trích, phê phán qua sự gây cười, nhằm giảm thiểu sự đối kháng của hai giai cấp thống trị và bị trị, của quan và dân.*

*Trong chèo, diễn viên sử dụng một vài động tác múa đơn giản cộng với các động tác đời thường, để thích ứng với những lúc vừa ca vừa diễn hoặc chỉ đơn thuần là đối thoại. Nhạc trong chèo pha lẫn nhạc miền Bắc, nhạc dân gian, đôi khi một chút nhạc châu văn ( sử dụng trong các Lễ Mẫu ). Lời thoại thường là tiếng nôm, gần gũi người bình dân.*

*Đặc tính của tuồng chèo thường là trào lộng. Ví dụ : Nghêu Sò Ốc Hến là một tuồng chèo, được Hoàng Trọng Miên chuyển thể thành vở thoại kịch “Một trận cười dài”, sau đó Nguyễn Thành Châu tức Năm Châu viết thành vở cái lương mang tên cũ của chèo. Trong vở tuồng, người xem sẽ cười xuyên suốt từ đầu đến cuối vở, với tâm lý những nhân vật rất đời thường, có thể thấy được ở bất cứ nơi nào trong chế độ phong kiến.*

### **CÁI LƯƠNG**

*Cái lương còn gọi là ca kịch miền Nam. Cái có nghĩa là sửa đổi, như cái cách; Lương là tốt, hoàn chỉnh, như bắt lương là không tốt, không hoàn thiện. Bộ môn này xuất xứ từ đồng bằng Nam Bộ, dùng danh từ kép Cái Lương, muốn nói từ Hát Bội, sửa lại thành bộ môn này để gần gũi với người bình dân’*

*Từ bài Dạ Cổ Hoài Lang của Cao Văn Lầu, gây khởi hứng cho người dân Nam Bộ, kích thích những tay đàn ca tài tử. Nam Bộ là kho lúa. làm một mùa ăn cả năm. Thời gian rảnh rỗi thường tụ họp thành nhóm đàn ca tài tử.*

*Lúc đầu chỉ đàn ca, dần dần “ca ra bộ” từng bài bản. Cho đến khi viết thành tuồng tích có lời thoại, có lời ca thay lời nói và diễn tả. Vì bài bản ngân nga, nên điệu bộ và động tác của diễn viên chậm chậm trong tay chân, có thể xem như một hình thức “múa tự do”.*

Lời ca thì sáo ngữ, bóng bẩy, nói bóng nói gió. Cho nên, khi ám chỉ một người nào là cái lương, có nghĩa là người đó có làm điều trong cử chỉ, đáng đáp, có bóng gió trong lời nói, có chửi chuốt, loè loẹt trong trang phục và sắc diện.

Diễn xuất trong các bộ môn ca kịch đều là Cường Điều, là quá lên, làm lớ hơn (over act) và đem cái giả làm cái thật. Cái gì cũng giả bộ như làm thật. Lộng giả thành chân. Những diễn viên cái lương theo thói quen nghề nghiệp và do ảnh hưởng của cái lương, khi phải diễn thật trong kịch nói, trong truyền hình hay điện ảnh, dễ bị khán giả nhận ra chất cái lương trong diễn xuất, có chút gì đó chậm rãi, có chút gì đó làm bộ làm tịch trong cử chỉ, chút gì đó làm điệu trong nét mặt như hay chớp mắt, sửa mồm sửa miệng khi nói...

Trong các bộ môn ca kịch, cái lương cần sự hỗ trợ của trang trí sân khấu và ánh sáng nhiều hơn các bộ môn khác. Ánh đèn màu rất quan trọng. Ngày xưa khi diễn viên ca vọng cổ, xuống hò, người ta thường “phụt đèn màu” để tô đậm nét cách vô vọng cổ đặc thù của từng diễn viên.

Nhờ sân khấu có màn nhung, có ánh đèn màu, có trang trí, nên sân khấu cái lương hấp dẫn và lôi cuốn khán giả đến với rạp hát ngoài hai yếu tố chính là tuồng tích và nghệ sĩ nổi tiếng. Cho nên, khi truyền hình hoá hoặc điện ảnh hoá cái lương, vô tình người ta đã giết chết cái lương. Các diễn viên đều trở nên trơ trẽn, chưa nói đến kỹ thuật lồng tiếng chưa ăn khớp giữa lời ca và nhép miệng.

Những cái giả trên sân khấu, qua ánh đèn mờ ảo cộng với cái “không khí kịch”, khiến người xem có cảm giác là thật khi hoà nhập tâm hồn mình với những nhân vật trên sân khấu. Người ta có thể khóc theo một bài “nam ai” hay bài “tứ đại oán” do diễn viên ca diễn trên sân khấu, nhưng khó có ai khóc được cũng diễn viên ấy, hát bài hát ấy trong phim.

### **THOẠI KỊCH**

Còn gọi là Kịch Nói, là loại kịch mô tả một mẫu đời, động tác và lời nói gắn gũi với sinh hoạt thực tế. Thật ra còn một loại kịch diễn tả bằng những động tác đời thường nhưng không nói. Đó là Kịch Câm (Mime).

Người ta chắt chắt một khoảng trong đời sống của con người, dựng nên kịch. Nhưng muốn thành kịch, phải có Kịch Tính. Kịch tính được tạo ra do sự Mâu Thuẫn. Không có sự va chạm để giải quyết, không gọi là kịch.

Mâu thuẫn là gì? Ngày xưa có người đi bán xà mâu, một loại vũ khí, rao rằng: “loại mâu này đâm gì cũng thủng”. Sau đó, có người bán Thuẫn, loại che chắn bảo vệ trong giao chiến, rao rằng: “Loại thuẫn này không vũ khí nào đâm thủng được”.

Có người thắc mắc hỏi hai ông: “vậy chứ lấy hai loại ấy va chạm nhau sẽ xảy ra sự việc gì?”. Không ai biết được kết quả. Do đó, mâu thuẫn để chỉ hai tình huống đụng chạm nhau, có thể giải quyết hoặc không thể giải quyết được.

Một mẫu đời, như sinh ra lớn lên, học hành đỗ đạt, sinh con đẻ cái thì chẳng có thể gọi là kịch vì nó không có sự va chạm đến gây cười cho người khác (hài kịch) hoặc gây bi thương (bi kịch). Phải có mâu thuẫn mới thành kịch.

Những mâu thuẫn thường xảy ra giữa người và người, hoặc giữa người và tạo hoá. Giữa người và người như thành kiến gia đình, xã hội, chiến tranh, thù hận... Giữa người và tạo hoá như định mệnh, hoạ hại, bệnh hoạn...

Lấy một ví dụ, sinh ra lớn lên có người yêu. Đùng một cái chiến tranh xảy ra, người trai bị thương tật trở về. Mâu thuẫn xảy ra là mối tình ấy không còn toàn vẹn, người trai bị mâu thuẫn nội tại, một mặt muốn gặp người mình yêu, mặt khác không dám gặp người yêu mình.

Từ đó, tình huống dẫn đến cao trào buộc phải giải quyết, ví dụ người con gái khám phá ra sự thật, người con trai muốn hy sinh cho người yêu nên giả chết chẳng hạn để người con gái đi lấy chồng ( giải quyết lần 1 ), khi người con gái có con mới biết người yêu mình hy sinh cho mình, cộng với sự bạc đãi của chồng, quyết về với người yêu ( mâu thuẫn nội tâm của người con gái ), nhưng khi ra đi thì con gái gọi mẹ ( giống như trong kịch Lá sấu riêng ), người mẹ phải giải quyết chuyện ở lại với con hay dành phần còn lại trả nợ tình cho người đã hy sinh cho mình ( giải quyết lần 2)...vv.. Tùy cách giải quyết của tác giả.

Có những mâu thuẫn giải quyết được bằng kết thúc có hậu ( Happy end ), có nghĩa là tình yêu thắng hận thù, kẻ ác bị trừng trị, những mối tình vượt qua mọi khó khăn...Nhưng có những vở kịch tác giả bỏ lửng không giải quyết, mà để khán giả tự tìm cách giải quyết. Cũng có tác giả cho bàn tay Tạo Hoá hay định mệnh xen vào để tạo sự phi lý, bi đát, như câu chuyện phim đã kể trên.

Tác giả một vở kịch hay phải biết đánh lừa và không để khán giả đoán trước ý đồ của mình. Một vở kịch càng nhiều mâu thuẫn dẫn dắt đến một mâu thuẫn trọng tâm của vở kịch là một vở kịch lôi cuốn trong câu chuyện kịch. Có vở kịch, tác giả giải quyết nút này, lại cài nút khác để tháo gỡ cho tới cái nút lớn nhất trong vở kịch cần phải tháo gỡ rốt ráo để dứt kịch.

Một vở kịch hay, ngoài câu chuyện kịch, còn có chỗ diễn cho diễn viên, còn có những lời thoại thâm thúy và đúng cho những nhân vật kịch. Tâm lý của nhân vật phải được đào sâu, để tạo mâu thuẫn gây tình huống kịch, tức là tạo nên kịch tình.

Diễn viên là người thể hiện nhân vật kịch trên sân khấu. Đặc tính của diễn viên là Bất Chước. Ví dụ đóng vai người say, phải bắt chước hành động cách nói...của người say.

Đặc tính kế tiếp là Lên Đồng, gọi là nhập vai, là hồn “Trương Ba da Hàng Thịt”. Dùng thể xác mình mà linh hồn của nhân vật kịch, mình không phải là mình mà là một người khác ở trong con người mình trong lúc diễn.

Đặc tính thứ ba là Lộng giả thành chân, nghĩa là làm giả mà y như thật. Ví dụ diễn đoạn thất cổ, thất giả mà khán giả tưởng là thất thật.

Thoại kịch là một bộ môn sân khấu có một nghệ thuật tổng hợp các bộ môn nghệ thuật khác. Trong Thoại kịch có nhạc, thi ca, hoạ...Diễn viên đóng vai là nghệ sĩ hát bội, phải biết diễn chút ít hát bội, nếu trong vở kịch đòi hỏi. Ngược lại, các bộ môn nghệ thuật khác không làm được như thế.

*Các diễn viên trên sân khấu sử dụng ngôn ngữ và động tác y hệt đời thường, không cường điệu hoặc ra bộ, tuy nhiên phải biết một số quy luật sân khấu, gọi chung là Thẩm Mỹ kịch nghệ. Nghĩa là làm thế nào cho khán giả thấy được nét đẹp của diễn xuất trên sân khấu.*

*Ví dụ hai diễn viên không nói cùng một lúc, không đứng khuất mặt nhau, không xoay lưng về khán giả ( trừ khi kịch bản yêu cầu )...Những vở kịch trên sân khấu VN, thường bị ảnh hưởng hệ thống âm thanh, hạn chế việc diễn xuất. Diễn viên thường phải tiến gần lại máy vi âm để nói.*

*Trong cái lương, người ta sử dụng micro treo di chuyển theo diễn viên và hiện nay, người ta dùng loại micro không dây, hoặc loại nhỏ đeo trên khuôn mặt. Nói chung, diễn xuất trong truyền hình hay điện ảnh, diễn viên mới diễn xuất không bị gò bó như trên sân khấu.*

*Nhưng không trở ngại này, truyền hình hay điện ảnh lại tạo nên những trở ngại khác cho diễn viên, như phải diễn trong 1 phạm vi (để camera lấy ảnh) và điều kiện của kỹ thuật (âm thanh, ánh sáng....).*

*Đó là một số khác biệt giữa ba lối diễn xuất như đời thường trên sân khấu, truyền hình và điện ảnh.*

NGUYỄN SANG